TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2018/QĐST-HNGĐ	*Bắc Kạn, ngày 14 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2018/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lã Thị T,** sinh năm 1981;

- **Bị đơn: Anh Triệu Văn T1,** sinh năm 1981;

Đều trú tại: Tổ 13, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lã Thị T và anh Triệu Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Lã Thị T và anh Triệu Văn T1 thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Lã Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Huyền Q, sinh ngày 12/11/2008 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*** Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Chị Lã Thị T không yêu cầu anh Triệu Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung**: Chị Lã Thị T và anh Triệu Văn T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về vay nợ chung**: Chị Lã Thị T và anh Triệu Văn T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí**: Chị Lã Thị T tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 05226 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Lã Thị T được hoàn lại số tiền: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Thành phố B;
- UBND xã Q, huyện B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Tòa án tỉnh (kèm BBHGT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Dương